



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BGI

Số: *11* -2024/QĐ/HĐQT

Hà Nội, ngày *17* tháng *6* năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc: Ban hành Quy chế công bố thông tin
của Công ty cổ phần Tập đoàn BGI**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn BGI;
- Căn cứ Biên bản họp ngày *17 / 6* /2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn BGI;
- Xét đề nghị của Trưởng Ban Hành chính Nhân sự Pháp chế Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Tập đoàn BGI”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban Hành chính-Nhân sự-Pháp chế Công ty cổ phần Tập đoàn BGI, Trưởng các Ban nghiệp vụ của Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát ;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Trọng Đức



11. 11. 1977
12. 11. 1977

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI (Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ/HĐQT ngày 17/6/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn BGI)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

Quy chế công bố thông tin (gọi tắt là “Quy chế”) được Công ty cổ phần Tập đoàn BGI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) ban hành nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty đại chúng và các nhà đầu tư.

Điều 2: Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Tập đoàn BGI quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin tại Công ty.
- Đối tượng áp dụng:
 - Người thực hiện công bố thông tin;
 - Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Trưởng các Phòng/Ban, đơn vị trực thuộc Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty;
 - Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
 - Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

- Công ty đại chúng là công ty cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.
- Người nội bộ của Công ty bao gồm:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
 - Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán/Trưởng phòng/ban Tài chính-Kế toán;
 - Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Công ty và người nội bộ của Công ty;
 - Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

đ) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

e) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

a) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan trong nước hoặc nước ngoài sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

Điều 4: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Trường hợp thông tin công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Nếu cá nhân đó không đồng ý công khai các thông tin này thì phải lập 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

3. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

4. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

5. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

6. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

7. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt.

Điều 5: Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

3. Công ty phải báo cáo thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính.

4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức khác hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 6: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Trang thông tin điện tử hoặc phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;

d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 7: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (ví dụ như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác) và phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật

Chương II

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8: Công bố thông tin định kỳ

Stt	Nội dung công bố thông tin	Thời hạn	Nơi công bố/đăng tải	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính (BCTC) bao gồm: BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất			
1.1	Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty. 	Khi công bố Báo cáo tài chính, Công ty đồng thời phải CBTT cả giải trình khi xảy ra các sự kiện dưới đây: - Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
1.2	Báo cáo tài chính bán niên soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty. 	- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
1.3	Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty. 	- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
2	Báo cáo thường niên (BCTN)			
	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty. 	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC

3	Báo cáo tình hình quản trị Công ty			
3.1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty. 	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
3.2	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty. 	Theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC
4	Họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)			
4.1	Họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường			
a.	Công bố thông tin về ngày ĐKCC	Tối thiểu 20 ngày trước ngày ĐKCC	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty. 	Theo mẫu quy định tại Quy chế thực hiện quyền ngày 10/8/2023 của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ CK VN
b.	Công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường và tài liệu họp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty; - Gửi tất cả các cổ đông. 	Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4.2	Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản			
a.	Công bố thông tin về ngày ĐKCC. Thực hiện như điểm a. 4.1 khoản 4 điều 8 Quy chế này.			
b.	Công bố thông tin tài liệu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty; - Gửi tất cả các cổ đông.	Công bố Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo.
4.3	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết	- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; - Website Công ty.	

Điều 9: Công bố thông tin bất thường

1. Thông tin công bố tại:

- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.

2. Thông tin dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. Khi thực hiện công bố thông tin, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Stt	Nội dung công bố	Ghi chú
1	Giải trình Báo cáo tài chính của Công ty.	
2	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; Tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.	
3	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc	

	toàn bộ hoạt động kinh doanh; Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	
4	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	
5	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	
6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	
7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.	
8	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	
9	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến công ty đó trở thành Công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty con, công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên kết.	
10	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty.	Bất kỳ một giao dịch nào giữa BGI và IUC, BGI và BGI Cons, BGI và BGI vật liệu xây dựng, BGI và IUC Hòa Bình Hill, BGI và người nội bộ, người liên quan với người nội bộ, có thể gồm: Các hợp đồng thi

		<p>công, hợp đồng thanh lý/bán tài sản, hợp đồng cho thuê văn phòng, tạm ứng cá nhân... Nói chung các giao dịch mà không phân biệt giá trị thì đều phải có:</p> <p>1) Biên bản hợp và 2) Quyết định của ĐHCĐ nếu giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản của VC7 theo báo cáo tài chính gần nhất, nếu nhỏ hơn 35% thì 1) Biên bản hợp và 2) Quyết định của HĐQT và 3) Mẫu CBTT theo quy định.</p>
11	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	<p>Nếu phát hành thêm thì thời hạn 24h tính từ khi báo cáo UBCK Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi (mà không phải là từ khi nhận được văn bản trả lời của UBCK Nhà nước).</p> <p>Nếu mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ: tính từ khi báo cáo kết quả giao dịch.</p> <p>Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.</p>
12	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty).	<p>Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</p>
13	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	

14	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	
15	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	
16	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	
17	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	
18	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.	
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất).	
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	
22	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	
23	Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền cho cổ đông như: nhận cổ tức (bằng cổ phiếu hoặc bằng tiền), quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, quyền nhận cổ phiếu thưởng, quyền đăng ký mua trái phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu...trừ trường hợp quy định tại điểm a. 4.1 khoản 4 điều 8 Quy chế này.	
24	Các trường hợp khác được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC.	

Điều 10: Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Thông tin công bố tại:

- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.

2. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

Stt	Nội dung công bố	Ghi chú
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
2	Khi có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	

Điều 11: Công bố thông tin về các hoạt động khác

Stt	Nội dung công bố thông tin	Thời hạn	Ghi chú
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	Công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 12: Công bố thông tin của các đối tượng khác

Stt	Nội dung công bố thông tin	Thời hạn	Ghi chú
1	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.		
1.1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.	Khi nhận được báo cáo của các đối tượng trên, trong thời hạn 03 ngày làm việc phải đăng

1.2	2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi.	tải trên website của Công ty.
2	Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.		
2.1	Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.	Khi nhận được báo cáo của các đối tượng trên, trong thời hạn 03 ngày làm việc phải đăng tải trên website của Công ty.
2.2	Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo sau khi hoàn tất giao dịch hoặc hết thời hạn dự kiến giao dịch (30 ngày). Trường hợp hết thời hạn dự kiến giao dịch nhưng chưa giao dịch hết khối lượng đăng ký thì người nội bộ/ người có liên quan của người nội bộ phải giải trình nguyên nhân.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	

Điều 13: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

1. Các trường hợp sau đây phải chào mua công khai và đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

- Người nội bộ và người có liên quan dự kiến mua cổ phiếu VC7 dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt từ 25% trở lên;
- Người nội bộ và người có liên quan nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu của VC7 dự kiến mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu;

2. Các đối tượng quy định trên không phải chào mua công khai nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Mua cổ phiếu mới phát hành theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Nhận chuyển nhượng cổ phiếu đang lưu hành dẫn đến việc sở hữu đạt các mức theo quy định đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trong các trường hợp này, ĐHĐCĐ phải xác định rõ Bên bán, Bên mua;
- Tặng cho cổ phiếu;

....

3. Thủ tục chào mua công khai: Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào mua công khai.

Chương III

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14: Cung cấp và xử lý thông tin

1. Khi phát sinh vấn đề hoặc nội dung cần công bố thông tin theo quy định, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức gửi báo cáo đến Người thực hiện công bố thông tin của Công ty theo thời gian quy định của từng loại thông tin phải công bố;

2. Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người thực hiện công bố thông tin thực hiện theo trình tự:

a) Kiểm tra thông tin;

b) Đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;

c) Soạn thảo văn bản và biểu mẫu công bố thông tin (nếu có);

d) Người thực hiện công bố thông tin trình Ban lãnh đạo Công ty theo thẩm quyền phụ trách để xem xét, phê duyệt nội dung công bố thông tin.

Điều 15. Báo cáo và công bố thông tin

Sau khi nội dung công bố thông tin được phê duyệt tại điểm d khoản 2 Điều 14 của Quy chế này, Người thực hiện công bố thông tin thực hiện công bố trên các phương tiện công bố thông tin được quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Điều 16. Lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi công bố và báo cáo sẽ được lưu trữ nhằm phục vụ hoạt động tham khảo, tra cứu và kiểm tra khi cần thiết:

1. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Theo dõi và thực hiện đúng quy trình thực hiện báo cáo và công bố thông tin;

2. Phối hợp và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Người thực hiện công bố thông tin;

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của những thông tin đã cung cấp cho Người thực hiện công bố thông tin.

Điều 18. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật;

2. Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin một cách cẩn trọng, trung thực.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/6 /2024.
2. Ban Tổng giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin và các Phòng/Ban/Đơn vị liên quan, các đối tượng khác có liên quan chịu trách thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định.
4. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Công ty.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Trọng Đức

1911
1912



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BGI

Địa chỉ: Tầng 3, tòa Vinaconex7, số 61, đường Nguyễn Văn Giáp,
phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội, Việt Nam.
ĐT:024.22182954;Email:bgigroup@bgi.vn;Website: www.bgi.vn

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
DUYỆT NỘI DUNG ĐĂNG THÔNG TIN CÔNG BỐ**

Người thực hiện công bố thông tin (Ông/Bà):.....

Nội dung xin phê duyệt:.....

.....

.....

Thời gian đề nghị đăng:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 202..
Người thực hiện công bố thông tin

PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO BGI GROUP



